



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ NGHỆ AN

PHẦN I: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Trụ sở chính: Tầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 - Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383.586488

Fax: 0383. 586696

Website: www.pvit.com.vn.

Email: dkna@yahoo.com.

Mã cổ phiếu: PXA

Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Chủ tịch HĐQT: Đồng Xuân Bình

Tổng Giám đốc: Đường Hùng Cường

Số lượng Công ty thành viên: 0

BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Ông Đồng Xuân Bình: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Đường Hùng Cường: Ủy viên
- Ông Phan Hải Triều: Ủy viên
- Ông Lê Phi Hùng: Ủy viên
- Ông Trương Đại Hoàng: Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

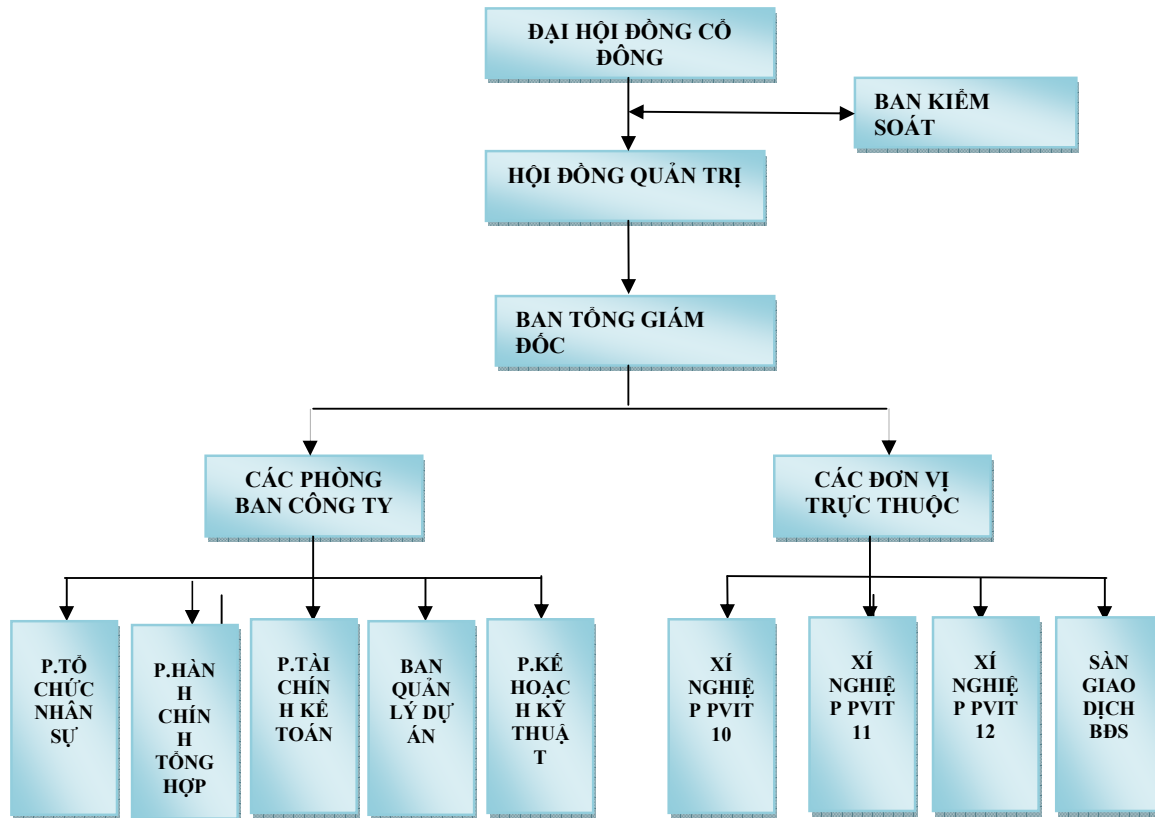
- Ông Đường Hùng Cường: Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đình Quang: Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Phi Hùng: Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Hoàng Đạt: Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT:

- Ông Tô Văn Tám: Trưởng Ban kiểm soát
- Lê Thị Thuý Hà: Thành viên
- Ông Trần Lương Sơn: Thành viên

KẾ TOÁN TRƯỞNG: Ông Nguyễn Văn Phóng

CƠ CẤU TỔ CHỨC: (Biểu 1)



I. LĨNH VỰC KINH DOANH

- Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các trung tâm thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chung cư;
- Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý các dự án thủy điện;
- Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư; Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, kinh doanh Bất động sản;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu, sản phẩm Dầu khí (xăng dầu, gas, phân đạm);
- Tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông; thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông; thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng các công trình: dân dụng, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng khu công nghiệp, giao thông, vận tải hàng hoá theo hợp đồng;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1. Việc thành lập:

Công ty là đơn vị được thành lập theo chủ trương của Tập đoàn, với chức năng nhiệm vụ chính là thực hiện Đầu tư và Xây dựng một số dự án của ngành Dầu khí tại địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ;

Tổng số vốn điều lệ khi thành lập là 100 tỷ VNĐ (Một trăm tỷ đồng). Ban đầu, Công ty có 05 cổ đông sáng lập là 05 Công ty trong ngành:

- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC): 30% VDL;
- Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC): 30% VDL;
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI): 10% VDL;
- Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power land): 20% VDL;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI): 10% VDL.

Chính thức đi vào hoạt động từ ngày 25/02/2008 theo giấy CNĐKKD số 2900872462 do Sở KHĐT Nghệ An; Công ty đã nhanh chóng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, triển khai nhiều dự án đầu tư và xây dựng trọng điểm của ngành Dầu khí trên địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ.

2. Quá trình phát triển

❖ Ngày 16/03/2008, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 04-1/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam góp vốn 10% vốn điều lệ thay cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An, cụ thể như sau:

Số lượng: 1.000.000 cổ phần (*một triệu cổ phần*)

Giá trị: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*);

Tính đến thời điểm 31/12/2008, số lượng CP và cơ cấu thực góp được như sau:

Bảng 2: Danh sách cổ đông của PVIT tính đến 31/12/2008

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ đăng ký góp		Vốn điều lệ thực góp		Ghi chú
		Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	30%	3.000.000	12%	1.200.000	Chưa góp đủ
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	20%	2.000.000	-	0	Chưa góp vốn
3	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	10%	1.000.000	7%	700.000	Chưa góp đủ
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land)	20%	2.000.000	6%	600.000	Chưa góp đủ
5	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	10%	1.000.000	10%	1.000.000	Đã góp đủ
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	10%	1.000.000	4%	400.000	Chưa góp đủ
Tổng cộng		100%	10.000.000	39%	3.900.000	

❖ Ngày 01/01/2009, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 01A/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng CP Công ty của các cổ đông sáng lập. Cụ thể như sau:

-Đồng ý để Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power land) chuyển nhượng 100.000 CP; giá trị 1.000.000.000 đồng; tương đương 1% vốn điều lệ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

Số CP còn lại mà Công ty Cổ phần bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam chưa góp hết, sẽ chuyển cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp.

Số lượng: 1.400.000 cổ phần (*một triệu bốn trăm cổ phần*)

Giá trị: 14.000.000.000 đồng (*mười bốn tỷ đồng*)

Như vậy, Tổng số CP của Tổng Công ty Dầu Việt Nam là 1.500.000 CP (*một triệu năm trăm nghìn cổ phần*); giá trị 15 tỷ đồng; tương đương 15% vốn điều lệ.

-Đồng ý để (PSI) chuyển quyền góp vốn điều lệ cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Số lượng: 600.000 cổ phần (*sáu trăm nghìn cổ phần*)

Giá trị: 6.000.000.000 đồng (*sáu tỷ đồng*)

Như vậy, sau khi nhận chuyển quyền góp vốn, tổng số CP của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là 1.600.000 (*một triệu sáu trăm nghìn*) cổ phần; giá trị 16 tỷ đồng; tương đương 16% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở KHĐT tỉnh Nghệ An trong Giấy CNĐKKD thay đổi lần 2 ngày 16/6/2009 với danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của PVIT theo Giấy CNĐKKD thay đổi lần 2

TT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	30%	3.000.000	30.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	20%	2.000.000	20.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land)	5%	500.000	5.000.000.000
4	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	10%	1.000.000	10.000.000.000
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	4%	400.000	4.000.000.000
6	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	16%	1.600.000	16.000.000.000
7	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	15%	1.500.000	15.000.000.000
Tổng cộng		100%	10.000.000	100.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2009, các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn theo số vốn đã đăng ký góp.

❖ Quý I/2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 10 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/11/2009 tại nghị quyết số 10/2009/NQ-ĐHĐCĐ.

- + Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương Mại Dầu khí Nghệ An.
- + Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Số lượng cổ phần đăng ký chào bán: 1.000.000 cổ phần (một triệu cổ phần).
- + Thời hạn phát hành: từ ngày 01/01/2010 đến ngày 22/02/2010.
- + Đối tượng chào bán: CBCNV và cổ đông ngoài Công ty.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành: 22/02/2010, Công ty đã phân phối được 800.000 cổ phần (tám trăm nghìn cổ phần); chiếm 80% tổng số cổ phiếu chào bán.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng).

HĐQT Công ty đã quyết định không tiến hành chào bán tiếp số CP được quyền chào bán nhưng chưa bán hết trong đợt phát hành.

Như vậy, kết thúc đợt phát hành riêng lẻ, vốn điều lệ của Công ty là 108 tỷ đồng.

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông sau khi kết thúc đợt phát hành năm 2010

TT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	27,78%	3.000.000	30.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	18,52%	2.000.000	20.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land)	4,63%	500.000	5.000.000.000
4	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	9,26%	1.000.000	10.000.000.000
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	3,7%	400.000	4.000.000.000
6	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	14,81%	1.600.000	16.000.000.000
7	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	13,9%	1.500.000	15.000.000.000
8	Cổ đông khác	7,4%	800.000	8.000.000.000
Tổng cộng		100%	10.800.000	108.000.000.000

❖ Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2010 số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT ngày 11/05/2010, ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng CP của các cổ đông sáng lập cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An, cụ thể như sau:

Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần

TT	Cổ đông sáng lập chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng
1	Tổng CT tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVFC)	3.000.000
2	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	1.600.000
3	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	1.000.000
4	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power land)	500.000
	Tổng cộng	6.100.000

Sau khi thực hiện chuyển nhượng, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

TT	Cổ đông	Vốn góp	
		Tỷ lệ (%)	Số lượng CP
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	75%	8.100.000
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	3,7%	400.000
3	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	13,9%	1.500.000
	Tổng cộng	92,6%	10.000.000

Công ty đã tiến hành sửa đổi Giấy CNĐKKD lần thứ 5 theo danh sách cổ đông sáng lập như trên.

❖ Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 24/NQ-HĐCĐ.PVIT ngày 7/9/2010 quyết định chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) tại Công ty Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An cho các cổ đông khác. Công ty đã thực hiện thay đổi lại đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 05/11/2010 theo danh sách cổ đông sáng lập mới như sau:

Bảng 7: Danh sách cổ đông sáng lập sau khi thực hiện chuyển nhượng cổ phần

TT	Cổ đông	Vốn góp	
		Tỷ lệ (%)	Số lượng CP
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	75	8.100.000
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	3,7	400.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	12,75	1.377.000
4	Cổ đông khác (25 cổ đông)	1.14	123.000
	Tổng cộng	92,6%	10.000.000

❖ Quý IV/2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 42 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 11/5/2010 tại nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT và được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 756/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/12/2010, cụ thể:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng đăng ký chào bán: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng mệnh giá chào bán: 42.000.000.000 đồng
- Khối lượng vốn cần huy động: 42.840.000.000 đồng
- Mục đích huy động vốn: Tổng số tiền thu được để bổ sung vốn đầu tư cho dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú.

- Giá bán ra công chúng:

- + Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Giá chào bán cho đối tác chiến lược: 12.000 đồng/cổ phiếu

- Đối tượng phát hành:

+ Phát hành cho Cổ đông hiện hữu:

- Số lượng phát hành: 3.240.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng mệnh giá: 32.400.000.000 đồng

+ Phát hành cho Cán bộ nhân viên Công ty:

- Số lượng phát hành: 540.000 cổ phần, tương ứng với 5% vốn điều lệ đang lưu hành của Công ty.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng mệnh giá: 5.400.000.000 đồng

+ Phát hành cho đối tác chiến lược:

- Số lượng phát hành: 420.000 cổ phần
- Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 5.040.000.000 đồng

❖ Hiện tại, Công ty đã hoàn thành tăng vốn và niêm yết lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội 15.000.000 CP tương ứng 150 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tập trung phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một Công ty mạnh, đa sở hữu, tập trung phát triển hoạt động SXKD trên các lĩnh vực quan trọng như Đầu tư, Xây lắp, Thương mại, Bất động sản, dịch vụ;

Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các Đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị, đầu tư dự án trọng điểm và phát triển thị trường theo các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung đầu tư và phát triển SXKD theo ngành nghề. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là từng bước mở rộng thêm hoạt động thương mại, dịch vụ.

III. CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH

Các chỉ tiêu kinh tế trong năm 2011*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung SXKD	Kế hoạch SXKD năm 2011		
		Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận
		380.000	342.000	22.350
A	Hoạt động Xây lắp	99.500	92.000	4.140
B	Hoạt động Thương mại	25.000	25.000	250
C	Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	255.500	225.000	17.960

IV. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA PVIT NĂM 2010

1. Tổ chức thành công Đại hội Chi bộ Công ty lần thứ II nhiệm kỳ 2010 - 2015, Hội nghị điển hình tiên tiến và phong trào thi đua yêu nước 2006 - 2010, Đại hội cổ đông thường niên tháng 5/2010.

2. Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 đã đề ra, cụ thể sản lượng đạt 225,964 tỷ đồng, tăng 266% so với thực hiện năm 2009, tăng 102,7% so với kế hoạch năm 2010; Doanh thu 182,959 tỷ đồng, tăng 254,3% so với thực hiện năm 2009, đạt 87,1% so với kế hoạch năm 2010; Lợi nhuận trước thuế đạt 12,239 tỷ đồng, tăng 3046,8% so với thực hiện năm 2009, tăng 102% so với kế hoạch năm 2010; Nộp ngân sách nhà nước đạt: 1,547 tỷ đồng, tăng 2275% so với năm 2009.

3. Công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp đã được củng cố và ổn định thể hiện qua việc hoàn thành các mục tiêu của Công ty, triển khai công tác giao khoán tại các đơn vị, các công trình. Công ty đã và đang triển khai thực hiện tuân theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

4. Mở rộng quy mô của Công ty bằng hình thức mở rộng sản xuất kinh doanh song song mở thêm các đơn vị trực thuộc và đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thi công.

5. Khánh thành và gắn biển Toà nhà Dầu khí Nghệ An chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

6. Đẩy mạnh công tác đầu tư, triển khai nhiều dự án như: Toà nhà Dầu khí Nghệ An; Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, chung cư cao cấp, căn hộ và nhà ở liền kề Nghi Phú; Dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân; Dự Án Khu Resort và Dịch vụ tổng hợp Cửa Lò; Khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở CBCNV Dầu khí - Hưng Lộc; Dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Nam Sơn; Dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Khai Sơn.

7. Mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước như: BIDV, Ocean Bank, ... các doanh nghiệp Hàn Quốc và nhiều đối tác quan trọng khác.

8. Đội văn nghệ Công ty đã đạt nhiều giải thưởng cao trong Hội diễn nghệ thuật quần chúng không chuyên toàn Tổng công ty PVC lần thứ I và các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao khác.

9. Công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đặc biệt ủng hộ đồng bào hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh trong cơn đại hồng thủy tháng 10/2010, đảm bảo việc làm và ổn định đời sống cho CBCNV trong Tổng công ty.

PHẦN II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2010**

Năm 2010 là năm Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An ổn định tổ chức, tập trung nguồn lực để triển khai những nhiệm vụ trọng tâm đề ra, với những chỉ tiêu kinh tế cao gấp đôi năm 2009 và yêu cầu hoàn thành gấp rút các công trình, dự án trọng điểm của Công ty.

Trong năm 2010 HĐQT đã tổ chức 01 Đại hội đồng cổ đông; 12 cuộc họp (trong đó: 06 lần xin ý kiến HĐQT bằng văn bản) và 02 lần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông với 14 Nghị quyết. Sự chỉ đạo của HĐQT Công ty thực sự là động lực để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực làm việc cũng như đảm bảo tính pháp lý, minh bạch trong quản lý điều hành của Công ty.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát kéo dài, giá cả thị trường biến động đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhưng bằng những biện pháp quyết liệt, kịp thời cùng với sự đoàn kết, đồng tâm của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, sự quan tâm và ủng hộ của quý cổ đông, Công ty PVIT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2010, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt được so với KH năm 2010
1.	Sản lượng	Tỷ đồng	220	225,96	103%
2.	Doanh thu	Tỷ đồng	210	181,61	86%
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12	12,23	102%
4.	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	4,2	4,8	114%
5.	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	5	5	100%

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010

HĐQT Công ty với vai trò đại diện cho các cổ đông của PVIT đã làm việc nỗ lực để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời và chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, thể hiện trên các mặt công tác như sau:

1. Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2010, HĐQT tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên sâu, tập trung phát huy thế mạnh chính của Công ty. Hiện nay, Công ty có 03 xí nghiệp PVIT 10, PVIT 11 và PVIT 12, bộ máy giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty là các phòng/ban chức năng. Tất cả là lực lượng chủ chốt góp phần tạo nên thành công của Công ty tại các công trình, dự án.

Song song với việc hoàn chỉnh mô hình tổ chức, HĐQT cũng đã tiến hành bổ sung hoàn thiện lực lượng cán bộ chủ chốt và tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực, kinh nghiệm.

2. Công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành SXKD Công ty

HDQT luôn tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo đối với Ban TGD, các phòng/ban chức năng nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, quyết định của HDQT và các quy chế, quy định hoạt động và phân cấp quản lý kinh tế tài chính cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Thông qua các quy chế quản lý nội bộ, Công ty chỉ đạo các bộ phận tăng cường chủ động, kịp thời trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiến độ, hiệu quả kinh tế, hướng đến phân cấp và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân Thủ trưởng các đơn vị và trưởng các phòng/ban nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với các công trình trọng điểm, HDQT luôn sát cánh, hỗ trợ Ban TGD tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công công trình, dự án nhằm hoàn thành bàn giao đúng tiến độ, an toàn và chất lượng điển hình như công trình Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Công trình Tổ hợp DVTH, chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liên kề Nghi Phú...

3. Công tác giám sát tài chính

HDQT đã ban hành các quy chế quản lý tài chính nội bộ nhằm tăng cường công tác giám sát tài chính; ban hành định mức, đơn giá nội bộ nhằm giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HDQT luôn chỉ đạo Ban TGD Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc hoàn thiện bộ máy làm công tác kế toán, đảm bảo quy chế kế toán lành mạnh, ổn định, chấp hành các quy định pháp luật. Công tác báo cáo tương đối kịp thời. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

4. Công tác đầu tư

Về đầu tư xây dựng cơ bản: HDQT đã phê duyệt và đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền, chỉ đạo Ban TGD điều chỉnh kịp thời kế hoạch theo chủ trương kiểm chế lạm phát của Chính phủ, phân tích, đánh giá hiệu quả các dự án, mức độ quan trọng các dự án để tạm dừng, giãn tiến độ do chưa cấp bách, kém hiệu quả, hoặc không thu xếp được vốn, để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải. Bên cạnh việc đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, HDQT đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án thi công xây lắp, đầu tư máy móc thiết bị, nhằm bổ sung kịp thời cơ cấu phát triển sản xuất. Giá trị thực hiện đầu tư về xây dựng cơ bản và tài sản cố định đến 31/12/2010 của Công ty là: 459,039 tỷ đồng.

5. Công tác niêm yết cổ phiếu PXA lên sàn giao dịch chứng khoán

Tháng 2/2011, Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PXA. Việc trở thành Công ty đại chúng giúp Công ty tiếp cận dễ dàng các nguồn vốn từ công chúng, nhằm phục vụ cho các mục tiêu mở rộng và phát triển. Các cổ đông lớn sở hữu cổ phần của PVIT như Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An, Công ty CP Chứng khoán Dầu khí, Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Ocean Bank, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội... Với tiềm lực tài chính và khả năng huy động vốn lớn không chỉ cam kết nắm giữ lâu dài cổ phiếu PXA mà còn hỗ trợ, tư vấn cho Công ty trong các chiến lược phát triển, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường.

Công ty luôn luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết như: Báo cáo tài chính quý/năm, Báo cáo giao dịch cổ phiếu nội bộ, Báo cáo về việc chốt danh sách cổ đông... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của cổ đông.

Ngoài ra, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các Sở ban ngành địa phương và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

* **Đánh giá chung:** Trong năm qua, dưới sự chỉ đạo của HĐQT và Ban TGD, Công ty PVIT đã từng bước ổn định, phát triển, các chỉ tiêu SXKD đều đạt và vượt mức kế hoạch hơn 200% so với năm 2009, thể hiện rõ nét ở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010. Cùng với sự phát triển vượt bậc là vị thế và thương hiệu của PVIT trên thị trường trong tỉnh ngày càng được nâng cao.

III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2011

1. Kế hoạch năm 2011

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010, căn cứ năng lực hiện tại của Công ty, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty PVIT, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Mức tăng trưởng
1	Sản lượng	Tỷ đồng	225,96	380	168 %
2	Doanh thu	Tỷ đồng	182,96	342	188%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,23	22,35	184%
8	Đầu tư tài sản cố định	Tỷ đồng	2,36	7	296%
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	4,8	5	104%
10	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	5	10	200%

Trong quý I/2011, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD ký kết hợp đồng thuê/mua 04 tầng TTTM - Toà nhà Dầu khí Nghệ An với đối tác là Công ty TNHH Thương mại Tiếp thị Bến Thành - đơn vị 2 năm liên tục đứng trong top 500 Công ty bán lẻ lớn nhất Châu Á và top 10 Công ty bán lẻ lớn nhất Việt Nam. Đây cũng là nền tảng và tiền đề để HĐQT đề ra các chỉ tiêu kế hoạch và phương hướng hoạt động cho năm 2011 - năm PVIT phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011

+ Tiếp tục kiện toàn và cơ cấu lại tổ chức bộ máy của Công ty cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần theo đúng Luật doanh nghiệp. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại Công ty theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

+ Tập trung xây dựng, đào tạo và có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật trình độ tay nghề cao.

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý tài chính nội bộ của Công ty phù hợp nhằm tăng cường tình hình giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải, đồng thời tích cực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm đang triển khai và tìm kiếm các cơ hội đầu tư những dự án hiệu quả khác.

+ Tăng cường công tác giám sát, chỉ huy, điều hành nhất là các dự án trọng điểm của Công ty, của ngành đảm bảo chất lượng, an toàn, thẩm mỹ và bàn giao đúng tiến độ.

+ Chỉ đạo thực hiện các dự án trọng điểm lớn trong năm 2011 gồm: Dự án Tổ hợp DVTH, Chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề tại xã Nghi Phú; Khu đô thị Dầu khí Nghệ An tại Phường Vinh Tân, Dự án Resort Cửa Lò, Dự án Khu nhà ở thu nhập thấp cho CBCNV tại xã Hưng Lộc, Dự án Trạm xăng dầu tại xã Nam Sơn -Đô Lương và Khai Sơn - Anh Sơn...

+ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

A: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

I - Đặc điểm tình hình chung về Công ty.

1. Thuận lợi.

Năm 2010, Công ty đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn, các Tổng Công ty PVC; PVNC và đặc biệt là sự quan tâm của lãnh đạo UBND tỉnh Nghệ An, các Sở Ban ngành cấp tỉnh cũng như chính quyền địa phương, góp phần không nhỏ giúp Công ty hoàn thành thắng lợi kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, giá trị sản lượng về xây lắp cũng như dự án gói đầu tư từ năm 2009 chuyển sang tương đối lớn đảm bảo việc làm liên tục và ổn định cho CBCNV trong toàn công ty. Là Chủ đầu tư dự án Toà nhà Dầu khí Nghệ An nên đã tạo cho Công ty có nhiều lợi thế để phát triển vượt bậc, năng lực cạnh tranh, uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường từng bước được nâng cao.

Cùng với đó là ý thức chủ động, tự giác trong công việc và sự đoàn kết thống nhất của tập thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty là yếu tố cơ bản tạo nên những thành quả đã đạt được trong năm 2010 và là tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

2. Khó khăn.

Trong năm 2010, nền kinh tế nước ta bị ảnh hưởng bởi sự suy thoái kinh tế thế giới dẫn đến chỉ số giá tiêu dùng, lạm phát gia tăng. Các chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường bất động sản được điều chỉnh thay đổi cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty. Việc giải ngân nguồn vốn cho các dự án của Công ty có thời điểm gặp rất nhiều khó khăn do lãi suất ngân hàng cao, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành. Doanh thu từ hai dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An và Khu đô thị Nghi Phú đang còn thấp ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH điều chỉnh năm 2010	Kết quả thực hiện năm 2010	Tỷ lệ đạt được so với KH năm 2010	Tỷ lệ đạt được so với năm 2009
1.	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	220,00	225,96	103 %	266 %
2.	Doanh thu	Tỷ đồng	210,00	181,61	86 %	252 %
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,00	12,15	101 %	3.030 %
4.	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5,00	5,00	100 %	
5.	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	4,20	4,80	114%	120%

Đánh giá các lĩnh vực hoạt động.

1. Lĩnh vực đầu tư.

- Dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An: Khởi công ngày 28/3/2008, sau gần 3 năm triển khai thực hiện với tinh thần nỗ lực phấn đấu, PVIT và các Đơn vị liên quan đã khắc

phục mọi khó khăn để hoàn thành bàn giao Toà nhà đúng tiến độ. Toà nhà đã được tổ chức làm lễ khánh thành và gắn biển công trình chào mừng đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI vào ngày 03/01/2011. Hiện nay PVIT đang yêu cầu các đơn vị thi công tiếp tục hoàn thiện một số phần việc còn dở dang để tiến hành bàn giao văn phòng cho thuê và căn hộ cho khách hàng trong quý II năm 2011.

- Dự án Tổ hợp dịch vụ, chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú với tổng mức đầu tư 245 tỷ đồng do PVIT tự thực hiện thi công. Năm 2010 mặc dù việc giải ngân nguồn vốn cho dự án gặp rất nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực và quyết tâm, dự án vẫn triển khai đúng tiến độ được phê duyệt. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật. Tòa nhà số 01 đã thi công xong phần thân thô của tầng thứ 8 và đang thi công cột, vách, dầm sàn của tầng thứ 9. Tòa nhà số 02 đã thi công xong phần kết cấu thân, xây thô và đang tiếp tục thi công phần hoàn thiện. Giá trị tổng sản lượng thi công đạt 55 tỷ đồng.

- Dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp tại xã Khai Sơn - Anh Sơn, với tổng mức đầu tư 30 tỷ đồng, diện tích quy hoạch 1 hecta, đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng và phê duyệt dự án đầu tư. Đang tiến hành lập Thiết kế kỹ thuật – Thi công, để triển khai thi công vào Quý II/2011. Dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp tại xã Nam Sơn - Đô Lương, với tổng mức đầu tư 2,2 tỷ đồng, diện tích quy hoạch 0,2 hecta đã phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật, hiện UBND huyện Đô Lương đã tiến hành cưỡng chế bàn giao mặt bằng cho Công ty triển khai thi công, dự kiến Quý II/2011 bắt đầu khởi công xây dựng. Các dự án về cây xăng do một số nguyên nhân khách quan nên trong năm 2010 triển khai chậm.

- Dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân với tổng mức đầu tư dự kiến 1200 tỷ đồng, tổng diện tích quy hoạch gần 15 hecta. Năm 2010 đã được UBND Tỉnh Nghệ An phê duyệt Quy hoạch, hiện nay Công ty đã hoàn thành công tác thi tuyển kiến trúc dự án. Đang chuẩn bị công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Dự kiến Quý III/2011 sẽ bắt đầu triển khai thực hiện.

- Một số dự án khác như dự án Khu Resort và dịch vụ tổng hợp Cửa Lò, dự án Khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở cho CBCNV Dầu khí tại xã Hưng Lộc – TP Vinh trong năm 2010 đang thực hiện các bước về việc xin chủ trương đầu tư và đang lập quy hoạch chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng. Dự kiến Quý III/2011 bắt đầu triển khai thực hiện. Tình hình thực hiện các dự án này về thủ tục hồ sơ dự án đều chậm và kéo dài. Do thủ tục pháp lý của các dự án phải qua nhiều cơ quan ban ngành nên mất nhiều thời gian gây chậm tiến độ dự án.

- Trong đầu tư thiết bị, Công ty đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Tập đoàn, Tổng Công ty và pháp luật Nhà nước. Toàn bộ thiết bị được đầu tư có chất lượng theo đúng yêu cầu của dự án và có mục đích sử dụng cụ thể trước khi quyết định đầu tư. Trong năm 2010 đã thực hiện đầu tư mua sắm 01 cần cẩu tháp, 01 vận thăng lồng, máy toàn đạc và hệ thống cấp pha thép giàn giáo, với tổng mức đầu tư 6 tỷ đồng.

2. Lĩnh vực xây lắp.

- Thi công Công hàng rào và bể xử lý nước thải thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Tính đến ngày 31/12/2010 đã hoàn thành giá trị sản lượng 20 tỷ đồng, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tự thực hiện thi công Công trình Tổ hợp dịch vụ tổng hợp chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú. Tòa nhà 01: Đã thi công xong phần thân thô tầng 8, đang thi công cột, vách, dầm sàn tầng 9. Tòa nhà 02 đã thi công xong phần kết cấu thân, xây thô và đang tiếp tục thi công phần hoàn thiện. Theo kế hoạch tiến độ đề ra, Công trình sẽ hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng vào quý III năm 2011.

- Thi công Công trình Tòa nhà văn phòng Công ty CP Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc. Năm 2010 đã thi công hoàn thành phần ép cọc, ép cừ, đào đất móng, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ được tiếp tục thi công để hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 6 năm 2011.

- Thi công Công vào quê ngoại Chủ tịch Hồ Chí Minh do PVOIL tài trợ. Trong năm 2010, sau 01 tháng khẩn trương thi công, Công trình đã được thi công hoàn thành ngày 25/12/2010 góp phần tô đẹp thêm quần thể khu di tích quê hương Bác Hồ kính yêu.

Tóm lại, về lĩnh vực thi công xây lắp, trong năm 2010 Công ty đã thành lập thêm xí nghiệp, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng lực thi công đáp ứng yêu cầu tự thực hiện đảm bảo tiến độ các Dự án do Công ty làm Chủ đầu tư và từng bước khẳng định thương hiệu trên thị trường thi công xây lắp.

3. Lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Năm 2010, Công ty đã cung cấp thép xây dựng cho các dự án: Tòa nhà Dầu khí Nghệ An; Chung cư Nghi Phú và một số công trình trong và ngoài ngành trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh khác. Các dự án do Công ty cung cấp thép xây dựng đều gặp khó khăn về nguồn vốn dẫn đến công nợ lớn và kéo dài gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD, tuy nhiên Công ty đã khắc phục khó khăn để cung cấp đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của khách hàng, qua đó đã khẳng định được uy tín của mình trong lĩnh vực cung cấp thép xây dựng.

4. Hoạt động kinh doanh bất động sản.

Trong năm 2010, Công ty đã đầu tư phát triển Sàn giao dịch bất động sản, đưa sản phẩm bất động sản của Dự án Toà nhà Dầu khí Nghệ An và khu chung cư Nghi Phú ra thị trường. Tính đến ngày 31/12/2010 sản lượng đạt được từ hoạt động kinh doanh bất động sản là 126.8 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

5. Công tác đầu tư tài chính.

Năm 2010, Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh chế độ và chính sách tài chính, thực hiện công tác báo cáo tài chính thường xuyên, định kỳ đúng theo yêu cầu của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty đã thực hiện triển khai các công việc cụ thể sau:

a. Công tác niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch

Thực hiện chủ trương theo nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT ngày 11/5/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 108 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng Hiện nay 10.800.000 Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 22/2/2011 với mã chứng khoán là

PXA. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có chấp thuận về việc niêm yết bổ sung 42 tỷ đồng trên Sàn HNX và dự kiến ngày 12/4/2011 sẽ chính thức được giao dịch.

b. Công tác tài chính kế toán

Công tác TCKT năm 2010 đã có những bước phát triển nhất định, xây dựng hoàn thành quy chế quản lý tài chính cho đơn vị, hoàn thành sổ liệu tài chính niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch.

Thực hiện công tác quản lý thu hồi công nợ, luân chuyển, lập duyệt chứng từ và các quy định khác theo yêu cầu quản lý. Năm 2010 đã cơ bản hoàn tất các thủ tục và thu hồi các khoản công nợ lớn.

Cung cấp đầy đủ, kịp thời vốn cho việc thi công các công trình, tuy có những lúc khó khăn về vốn nhưng đều đã vượt qua không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tóm lại năm 2010 tuy gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng tập thể lãnh đạo và cán bộ CBCNV trong toàn Công ty đã quyết tâm khắc phục, nỗ lực phấn đấu đạt được những thành quả rất đáng tự hào để viết nên báo cáo tại Đại hội hôm nay.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011.

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2011.

Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2010, chiến lược phát triển của Tổng công ty PVNC và Công ty PVIT giai đoạn 2010- 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 của Tổng công ty PVNC, chương trình, kế hoạch tiếp thị, đấu thầu, Kế hoạch đầu tư XD CB của Công ty.

2. Nhiệm vụ:

Năm 2011 Công ty cần tập trung triển khai tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tổ chức khai thác tối đa có hiệu quả các dự án đầu tư đã, đang và sẽ hoàn thành trong năm 2011, đặc biệt là dự án Toà nhà Dầu khí Nghệ An.

- Quyết định mô hình quản lý và từng bước củng cố nâng cao chất lượng các dịch vụ sau khi các dự án hoàn thành đưa vào vận hành khai thác để phát huy hiệu quả. Trước mắt tập trung thực hiện mô hình kiểu mẫu đối với dự án Toà nhà Dầu khí Nghệ An để làm cơ sở nhân rộng cho các dự án tiếp theo của Công ty.

- Tập trung nguồn lực tiến hành công tác đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân để có thể thực hiện thi công san lấp mặt bằng trong thời gian ngắn nhất. Xác định đây là dự án trọng điểm nhất của Công ty trong năm 2011.

- Rà soát và tính toán chi tiết các dự án đang chuẩn bị đầu tư để khẳng định hiệu quả trước khi quyết định đầu tư. Đây là nhiệm vụ then chốt quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty.

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Hoàn thiện phương thức quản lý theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu, phân cấp quản lý tạo sự chủ động cho các đơn vị trực thuộc nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Chủ động làm việc với Tổng Công ty PVC và PVNC, tiếp cận để thực hiện các dự án trong ngành nhằm đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

3. Các chỉ tiêu chính:

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch năm 2011</i>	<i>Mức tăng trưởng</i>
1	Sản lượng	Tỷ đồng	380,00	168%
<i>a</i>	<i>Xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>99,50</i>	
<i>b</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>25,00</i>	
<i>c</i>	<i>Bất động sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>255,50</i>	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	342,00	188%
<i>a</i>	<i>Xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>92,00</i>	
<i>b</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>25,00</i>	
<i>c</i>	<i>Bất động sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>225,00</i>	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,35	184%
<i>a</i>	<i>Xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4,14</i>	
<i>b</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>250</i>	
<i>c</i>	<i>Bất động sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17,96</i>	
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	8,00	516%
5	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	150,00	139%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	15	132%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,76	184%
<i>a</i>	<i>Xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,10</i>	
<i>b</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>180</i>	
<i>c</i>	<i>Bất động sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>13,48</i>	
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	11,2	131%
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	200%
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	5,00	104%
11	Đầu tư tài sản cố định	Tỷ đồng	7,00	296%
12	Kế hoạch đào tạo	Triệu đồng	473	150%

4. Giải pháp thực hiện:

Để đạt được kết quả SXKD năm 2011 theo kế hoạch đề ra, Công ty cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về tổ chức phát triển nguồn nhân lực, đầu tư, tài chính, ứng dụng khoa học công nghệ và nâng cao năng lực quản lý, cụ thể:

a. Giải pháp về tổ chức và quản lý

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức quản lý, phân cấp phân quyền cho các đơn vị trực thuộc chủ động và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Không ngừng cải tiến phương thức quản lý của Công ty theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng; các cán bộ, chuyên viên hàng tuần, hàng tháng yêu cầu phải có bản mô tả công việc thực hiện. Các trưởng bộ phận phải có bản

đánh giá công việc nhằm mục đích kiểm điểm những việc đã làm được, những việc chưa làm được, nguyên nhân và biện pháp giải quyết nhằm nâng cao trách nhiệm của từng cán bộ công nhân viên.

b. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Công ty tiếp tục nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn hoá các chức danh, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBCNV, sắp xếp bố trí lại cán bộ các Phòng/ Ban, Đơn vị phù hợp với năng lực sở trường của từng người nhằm phát huy hết mọi khả năng của CBCNV, nâng cao tính sáng tạo và chủ động của mỗi cá nhân.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng thêm CBCNV có đủ năng lực để phục vụ lâu dài cho Công ty. Bên cạnh đó Công ty cũng tạo điều kiện cho CBCNV học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn.

c. Giải pháp về đầu tư.

- Tập trung nghiên cứu nhu cầu thị trường để rà soát và tính toán chi tiết các dự án đang chuẩn bị đầu tư để khẳng định hiệu quả trước khi quyết định đầu tư.

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công, tập trung đầu tư vào các thiết bị đặc dụng trong lĩnh vực xây lắp.

d. Giải pháp về tài chính.

- Tăng cường thực hiện đúng các yêu cầu quản lý tài chính của Nhà nước, của Công ty và Tổng Công ty. Quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

- Tăng cường thu hồi vốn, thu hồi công nợ, đây là vấn đề quan trọng đối với đơn vị để làm giảm chi phí vì lãi vay Ngân hàng và những chi phí khác đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Kiện toàn bộ máy Tài chính - Kế toán nhằm đảm bảo công tác quản lý Tài chính kế toán có khoa học, chất lượng và hiệu quả.

e. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Công ty.

- Áp dụng các phần mềm quản lý dự án, quản lý sản xuất tiên tiến có hiệu suất cao.

- Đảm bảo toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo các chính sách và quy trình về an toàn lao động, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2010 – 2015

I/ NHẬN ĐỊNH VỀ BỐI CẢNH TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2010- 2015

1. Thời cơ:

Nền kinh tế nước ta đã vượt qua cơn khủng hoảng, đang từng bước được phục hồi và chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về hội nhập kinh tế Thế giới là điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp;

Thương hiệu và uy tín của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An luôn được giữ

vững và ngày càng được nâng cao là cơ sở tiền đề cho việc xây dựng thương hiệu và hoạt động SXKD của các doanh nghiệp trong Ngành, trong Tổng công ty;

Thương hiệu và uy tín hoạt động của Công ty đã được khẳng định trên địa bàn của tỉnh Nghệ An; các dự án mà Công ty đã, đang và chuẩn bị đầu tư trên địa bàn tỉnh nhà mang lại lợi ích kinh tế, xã hội; đáp ứng chủ trương hợp tác toàn diện giữa Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và tỉnh Nghệ An nên được lãnh đạo địa phương quan tâm ủng hộ.

2. Thách thức:

Nền kinh tế Thế giới và trong nước tuy đã vượt qua giai đoạn khủng hoảng nhưng hồi phục chưa ổn định, nguy cơ lạm phát đang tiềm ẩn, giá cả có xu hướng tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và khả năng cạnh tranh.

II/ MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung xây dựng Chi bộ vững mạnh toàn diện, thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ SXKD và các chỉ tiêu kinh tế trong nhiệm kỳ 2010-2015, xây dựng và phát triển Công ty trở thành đơn vị Đầu tư & Thương mại chuyên nghiệp đứng đầu khu vực Bắc Trung bộ, hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, thực hiện công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn và các hoạt động từ thiện xã hội, tích cực đóng góp vào việc giữ gìn và nâng cao thương hiệu, uy tín của Tập đoàn, của Tổng công ty.

2. Mục tiêu cụ thể thực hiện nhiệm vụ SXKD:

DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH

GIẢI ĐOẠN 2010-2015

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	108	150	150	200	200	350
2	Tổng giá trị sản lượng (tỷ đồng)	225,964	380	480	650	850	1.100
3	Doanh thu (tỷ đồng)	182,959	342	430	600	765	1000
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	12,239	22,35	28	35	40	45
5	Lương bình quân (Trđ/người/tháng)	4,8	5,0	7,2	8,5	10,0	12,0

III/ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

a. Chiến lược và nguyên tắc phát triển

Vận dụng và thực hiện theo chiến lược và nguyên tắc phát triển của Tập đoàn, của Tổng Công ty vào điều kiện cụ thể của Công ty;

Tập trung đầu tư và phát triển SXKD theo ngành nghề, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Công ty, từng bước mở rộng hoạt động thương mại, dịch vụ;

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, bảo đảm mức tăng trưởng từ 20 đến 30%/năm, phấn đấu hoàn thành tốt các nghĩa vụ với Nhà nước; thường xuyên giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện công tác an sinh xã hội, góp phần nâng cao thương hiệu và uy tín của Ngành, của Tổng công ty.

b. Công tác tổ chức quản lý, đổi mới doanh nghiệp

Công ty đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, biên chế, tiêu chuẩn chức danh cho các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc. Tuy vậy để phù hợp tình hình, nhiệm vụ từng thời kỳ và yêu cầu không ngừng đổi mới hoạt động của doanh nghiệp, vì vậy hàng năm cần thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi bảo đảm công tác tổ chức quản lý thông suốt, thống nhất; bộ máy quản lý tinh, gọn và hiệu quả;

Xây dựng tiêu chí và có chế độ khuyến khích yêu cầu mỗi người, trước hết là các cán bộ chủ chốt của Công ty, của các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc không ngừng học tập nâng cao trình độ về mọi mặt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của Công ty;

Có kế hoạch tổ chức tham quan, tìm hiểu, học tập các mô hình tổ chức quản lý tiên tiến của các đơn vị trong và ngoài ngành để vận dụng thực hiện vào điều kiện cụ thể của Công ty.

c. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ CBCNV hiện có của Công ty cả về đạo đức, phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và khả năng xử lý công việc linh hoạt trong từng điều kiện cụ thể bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;

- Công ty luôn tạo điều kiện cho mỗi cán bộ được thử thách, rèn luyện và phấn đấu trưởng thành;

- Việc tiếp nhận, tuyển dụng thêm cán bộ hàng năm phải tuân thủ Quy chế của Công ty, phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của Phòng, Ban, Đơn vị; người được tiếp nhận, tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

d. Áp dụng khoa học công nghệ

Khoa học và công nghệ đang trở thành động lực chủ yếu trong quá trình phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, vì vậy đòi hỏi mỗi CBCNV, trước hết là cán bộ, đảng viên trong quá trình hoạt động của mình phải thường xuyên tìm tòi, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực kỹ thuật và cả trong lĩnh vực tổ chức quản lý tạo ra năng suất và hiệu quả ngày càng cao.

e. Công tác đầu tư, phát triển thị trường

** Công tác đầu tư:*

Tiếp tục triển khai công tác đầu tư các dự án theo thứ tự ưu tiên trọng tâm như sau:

- Dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú, thành phố Vinh. Trong năm 2011 phần đấu hoàn thành bàn giao hai toà tháp 11 tầng, 16 nhà ở kết hợp thương mại, hạ tầng kỹ thuật và tiến hành bán hết các căn hộ.

- Triển khai đầu tư dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp tại huyện Đô Lương và huyện Anh Sơn;

- Xúc tiến đầu tư dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân, thành phố Vinh;

- Hoàn tất các thủ tục để triển khai thi công một số dự án khác như Dự Án Khu Resort và Dịch vụ tổng hợp Cửa Lò, Khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở CBCNV Dầu khí - Hưng Lộc- Nghiên cứu, xem xét, tìm kiếm cơ hội đầu tư một số dự án khác...

** Công tác tài chính kế toán:*

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính kế toán có nhiệm vụ xây dựng phương án và thực hiện việc thu xếp cung ứng đủ, kịp thời vốn cho các dự án đầu tư, cho các hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ của Công ty. Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra giám sát để việc sử dụng đồng vốn đúng mục đích, có hiệu quả;

Từng bước nâng vốn điều lệ của Công ty, triển khai việc khai thác thêm nguồn tài chính từ bên ngoài để phát triển thông qua hình thức liên doanh, liên kết;

** Liên doanh liên kết, phát triển thị trường:*

Xúc tiến tìm hiểu các đơn vị trong và ngoài ngành để thực hiện các dự án SXKD theo hình thức liên doanh liên kết nhằm khai thác vốn và lợi thế của mỗi bên, bảo đảm các bên cùng có lợi.

PHẦN IV.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH,
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đồng Xuân Bình	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2010)
Ông Trịnh Hữu Mạnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2010)
Ông Phan Hải Triều	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2010)
Ông Đường Hùng Cường	Ủy viên
Ông Trương Đại Hoàng	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2010)

Ban giám đốc

Ông Đường Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Cương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2010)
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

(Đã ký)

Đường Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Số: 2115/2011/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An**

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã tiến hành Kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 28 tháng 3 năm 2011 từ trang 5 đến trang 20 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc Kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Đã ký)

(Đã ký)

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.502.878.698	145.920.142.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.831.367.481	9.352.866.122
1. Tiền	111	V.1	9.831.367.481	9.352.866.122
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.098.555.908	16.698.555.908
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.098.555.908	16.698.555.908
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.944.650.870	100.551.118.550
1. Phải thu khách hàng	131		36.430.725.682	20.898.532.944
2. Trả trước cho người bán	132		11.728.660.948	72.070.759.968
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	291.291.117
5. Các khoản phải thu khác	135		8.785.264.240	7.290.534.521
IV. Hàng tồn kho	140		16.282.004.189	12.774.939.188
1. Hàng tồn kho	141	V.3	16.282.004.189	12.774.939.188
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.346.300.250	6.542.663.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		127.633.072	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		450.650.810	2.082.008.136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		163.636.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	3.604.380.368	4.460.654.885
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.100.453.039	207.438.960.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.713.533.700
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	1.713.533.700
II. Tài sản cố định	220		372.205.634.418	203.797.162.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	4.810.601.168	3.454.179.618
- Nguyên giá	222		6.369.240.951	4.009.780.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.558.639.783)	(555.601.262)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	367.395.033.250	200.342.983.031
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.894.818.621	1.928.264.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.894.818.621	1.928.264.450
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		485.603.331.737	353.359.103.588

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		364.050.732.631	252.989.070.713
I. Nợ ngắn hạn	310		69.259.090.205	102.844.401.904
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	-	35.149.940.112
2. Phải trả người bán	312		21.873.677.194	56.545.855.137
3. Người mua trả tiền trước	313		7.318.205.025	10.749.012.535
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	2.630.573.926	94.109.128
5. Phải trả người lao động	315		1.248.699.482	218.104.560
6. Chi phí phải trả	316	V.10	35.585.966.734	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	47.900.586	87.380.432
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		554.067.258	-
II. Nợ dài hạn	330		294.791.642.426	150.144.668.809
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	294.791.642.426	150.144.668.809
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.552.599.106	100.370.032.875
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	121.552.599.106	100.370.032.875
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		114.015.300.000	100.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		472.033.628	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		356.284.816	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.708.980.662	370.032.875
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		485.603.331.737	353.359.103.588

(Đã ký)

(Đã ký)

Đường Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178.646.999.181	68.839.813.863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	178.646.999.181	68.839.813.863
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	163.257.385.311	66.538.822.066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.389.613.870	2.300.991.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.662.474.204	3.113.662.556
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	645.260.642	1.529.191.003
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		645.260.642	1.529.191.003
8. Chi phí bán hàng	24		1.841.722.243	1.219.496.693
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.758.211.141	2.270.021.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.806.894.048	395.945.175
11. Thu nhập khác	31		274.160.217	5.791.265
12. Chi phí khác	32		72.986	9.993
13. Lợi nhuận khác	40		274.087.231	5.781.272
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.080.981.279	401.726.447
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	3.020.245.320	70.302.128
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.060.735.959	331.424.319
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	844	45

(Đã ký)

(Đã ký)

Đường Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.080.981.279	401.726.447
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.003.038.521	500.491.262
- Lãi hoạt động đầu tư	05		(1.662.474.204)	-
- Chi phí lãi vay	06		645.260.642	1.529.191.003
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.066.806.238	2.431.408.712
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		45.445.353.945	(98.832.074.481)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(3.507.065.001)	(7.776.460.002)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11		1.564.628.413	72.262.495.371
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(2.094.187.243)	427.290.905
- Tiền lãi vay đã trả	13		(645.260.642)	(1.529.191.003)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(510.904.797)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		274.087.231	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.593.458.144	(33.016.530.498)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(169.411.510.290)	(184.739.930.386)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	(14.698.555.908)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.600.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(156.811.510.290)	(199.438.486.294)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14.015.300.000	61.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		151.098.208.639	185.586.942.921
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.601.175.134)	(9.296.491.250)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(815.780.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		122.696.553.505	237.290.451.671
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.478.501.359	4.835.434.879
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.352.866.122	4.517.431.243
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.831.367.481	9.352.866.122

(Đã ký)

(Đã ký)

Đường Hùng Cường
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001785 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 25 tháng 02 năm 2008, và các lần thay đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 11 năm 2010, Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí đã góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An. Vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 108.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các trung tâm thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chung cư;
- Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý các dự án thủy điện;
- Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư; Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình;
- Xây dựng các công trình: dân dụng, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng khu công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	04 - 07
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.684.415.545	366.992.801
Tiền gửi ngân hàng	8.146.951.936	8.985.873.321
Tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng	18.000.000.000	-
Cộng	27.831.367.481	9.352.866.122

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	8.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	4.098.555.908	8.698.555.908
Cộng	4.098.555.908	16.698.555.908

3. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.698.229	-
Công cụ, dụng cụ	8.560.632	16.605.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.667.004.669	12.036.032.016
Hàng hoá	598.740.659	722.302.172
Cộng	16.282.004.189	12.774.939.188

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	3.010.006.788	4.460.654.885
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	594.373.580	-
Cộng	3.604.380.368	4.460.654.885

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	-	-	3.664.957.849	344.823.031	-	4.009.780.880
Mua trong năm	181.964.125	2.202.453.522	-	-	-	2.384.417.647
Tăng khác	-	96.058.095	-	-	52.000.000	148.058.095
Giảm khác	-	-	(83.666.667)	(89.349.004)	-	(173.015.671)
Tại ngày 31/12/2010	181.964.125	2.298.511.617	3.581.291.182	255.474.027	52.000.000	6.369.240.951
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	-	-	514.387.567	41.213.695	-	555.601.262
Khấu hao trong năm	26.290.425	212.485.983	668.332.498	67.762.947	28.166.668	1.003.038.521
Tại ngày 31/12/2010	26.290.425	212.485.983	1.182.720.065	108.976.642	28.166.668	1.558.639.783
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2010	-	-	3.150.570.282	303.609.336	-	3.454.179.618
Tại ngày 31/12/2010	155.673.700	2.086.025.634	2.398.571.117	146.497.385	23.833.332	4.810.601.168

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
1. Mua sắm tài sản cố định	66.049	-
2. Tổng số chi phí XDCB dở dang	367.394.967.201	200.342.983.031
<i>Trong đó:</i>		
- Dự án tòa nhà Dầu khí Nghệ An	335.869.575.116	180.483.721.801
- Dự án Tổ hợp Dịch vụ Nghi Phú	30.617.544.680	19.642.957.379
- Dự án kinh doanh các sản phẩm dầu khí	906.247.405	216.303.851
- Dự án Resort Cửa Lò	1.600.000	-
Cộng	367.395.033.250	200.342.983.031

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.894.818.621	1.928.264.450
Cộng	3.894.818.621	1.928.264.450

Chi phí trả trước dài hạn khác là những chi phí phục vụ cho hoạt động dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Dầu khí Nghệ An tại Số 7 - Đường Quang Trung - Thành Phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.

8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	35.149.940.112
Cộng	-	35.149.940.112

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.593.137.409	83.796.886
Thuế thu nhập cá nhân	37.436.517	10.312.242
Cộng	2.630.573.926	94.109.128

10. Chi phí phải trả

	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	10.093.715.874	-
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	25.492.250.860	-
Cộng	35.585.966.734	-

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	28.276.732	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	13.017.980	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.605.874	87.380.432
Cộng	47.900.586	87.380.432

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**12. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An (a)	84.758.107.809	49.548.074.003
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (b)	207.983.534.617	100.596.594.806
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Vinh (c)	2.050.000.000	-
Cộng	294.791.642.426	150.144.668.809

(a) Hợp đồng vay dài hạn số 01/2009/HĐTD-TNDK ngày 31/03/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ an với hạn mức 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi và phí (nếu có). Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 06 năm 2011. Lãi suất kỳ đầu tiên bằng 10%/năm và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An để đảm bảo cho khoản vay này.

(b) Thể hiện số dư theo 2 Hợp đồng vay dài hạn của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay dài hạn số 007/HĐTD/PVFCTH09 ngày 31/03/2010 với số tiền 210.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng loại trả sau của PVFC + 0,3%/tháng và thay đổi theo quy định của PVFC-CN Thanh Hóa. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 84 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn (thời gian ân hạn nợ gốc tối đa là 24 tháng). Kỳ trả nợ được tính là 03 tháng/lần và toàn bộ nợ gốc được trả trong 28 kỳ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên kết thúc vào một ngày trong khoảng từ ngày 26 đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý gần nhất kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thực hiện dự án tại số 07 Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả nợ cho Bên cho vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số Số Số 006/2009/HĐTD - PVFCTH09 ngày 19/03/2009 với hạn mức 4.550.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để phục vụ đầu tư xây dựng dự án. Lãi suất cơ cấu tại thời gian trả nợ bằng lãi suất cho vay trong thời hạn cộng thêm 0,05%/tháng trên số dư nợ thực tế được cơ cấu lại và thời gian cơ cấu lại.

(c) Thể hiện số dư theo 2 Hợp đồng trung hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vinh, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 0078/2010/HĐTD03 - OCEANBANK07 ngày 15/07/2010 với hạn mức 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để mua máy móc để thi công cho các dự án. Lãi suất cho vay là 1,33%/tháng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay điều chỉnh được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam 12 tháng thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0144/2010/HĐTD03 - OCEANBANK07 ngày 14/11/2010 với hạn mức 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để mua máy móc để thi công cho các dự án. Lãi suất cho vay là 1,5%/tháng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay điều chỉnh được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam 12 tháng thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2009	39.000.000.000	-	-	38.608.559	39.038.608.559
Tăng vốn trong năm trước	61.000.000.000	-	-	-	61.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	331.424.316	331.424.316
Tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000	-	-	370.032.875	100.370.032.875
Tăng vốn trong năm (*)	14.015.300.000	-	-	-	14.015.300.000
Lãi trong năm	-	-	-	9.060.735.959	9.060.735.959
Phân phối lợi nhuận	-	472.033.628	472.033.629	(1.888.134.515)	(944.067.258)
Cổ tức đã chia	-	-	-	(815.780.000)	(815.780.000)
Giảm khác	-	-	(115.748.813)	(17.873.657)	(133.622.470)
Tại ngày 31/12/2010	114.015.300.000	472.033.628	356.284.816	6.708.980.662	121.552.599.106

(*) Tăng vốn trong năm được thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 14/2010/BB-PVIT ngày 11 tháng 05 năm 2010 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ-PVIT ngày 11 tháng 05 năm 2010 thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 108.000.000.000 VND lên 150.000.000.000 VND. Công ty chưa thực hiện làm thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí VN	-	30.000.000.000
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	81.000.000.000	20.000.000.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí VN	-	16.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	10.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Điện lực Dầu khí	-	5.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	4.000.000.000
Đối tượng khác	14.015.300.000	-
Cộng	114.015.300.000	100.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 11 năm 2010, Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí đã góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	15.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	11.401.530	10.000.000
+ Cổ phiếu thường	11.401.530	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.401.530	10.000.000
+ Cổ phiếu thường	11.401.530	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.646.999.181	68.839.813.863
+ Doanh thu xây dựng	42.658.743.086	9.891.259.242
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.793.256.095	58.948.554.621
+ Doanh thu khác	195.000.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	178.646.999.181	68.839.813.863

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn xây dựng	41.726.493.261	9.819.171.627
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	121.530.892.050	56.719.650.439
Cộng	163.257.385.311	66.538.822.066

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.662.474.204	3.113.662.556
Cộng	1.662.474.204	3.113.662.556

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	645.260.642	1.529.191.003
Cộng	645.260.642	1.529.191.003

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.080.981.279	401.726.447
Thu nhập chịu thuế	12.080.981.279	401.726.447
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.020.245.320	100.431.612
Thuế TNDN được giảm	-	30.129.484
Cộng	3.020.245.320	70.302.128

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.060.735.959	331.424.319
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	10.738.314	7.396.438
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	844	45

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu	39.354.942.189	1.153.086.272
TCT Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	1.153.086.272
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	39.354.942.189	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	145.241.534.033	226.881.125.117
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	132.214.510.572
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	145.241.534.033	94.666.614.545

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Hội đồng Quản trị			207.500.000	102.480.000
Ông Đồng Xuân Bình	Chủ tịch	Thù lao	30.750.000	-
Ông Trịnh Hữu Mạnh	Chủ tịch	Thù lao	24.750.000	66.500.000
Ông Trương Đại Hoàng	Ủy viên	Thù lao	38.000.000	31.100.000
Ông Đường Hùng Cường	Ủy viên	Thù lao	38.000.000	4.880.000
Ông Phan Hải Triều	Ủy viên	Thù lao	22.700.000	-
Ông Lưu Thanh Hà	Ủy viên	Thù lao	15.300.000	-
Ông Ngô Văn Toàn	Ủy viên	Thù lao	1.700.000	-
Ông Phạm Đình Cương	Ủy viên	Thù lao	13.600.000	-
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên	Thù lao	22.700.000	-
Ban Kiểm soát			74.600.000	53.500.000
Ông Tô Văn Tám	Trưởng ban	Thù lao	29.000.000	25.700.000
Ông Trần Lương Sơn	Ủy viên	Thù lao	15.150.000	-
Bà Lê Thị Thúy Hà	Ủy viên	Thù lao	22.500.000	20.900.000
Ông Chu Thanh Hải	Ủy viên	Thù lao	-	6.900.000
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Ủy viên	Thù lao	7.950.000	-
Ban Giám đốc			627.867.411	358.165.403
Ông Đường Hùng Cường	Tổng Giám đốc	Tiền lương	150.730.951	91.638.039
Ông Trịnh Văn Thảo	Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	127.337.800
Ông Ngô Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	25.780.000
Ông Trần Hoàng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	132.585.422	28.706.364
Ông Phạm Đình Cương	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	131.856.422	12.388.000
Ông Trần Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	126.854.727	72.315.200
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	85.839.889	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu	19.177.447.721	7.213.301.503
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	669.579.771
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	19.177.447.721	6.543.721.732
Các khoản phải trả	6.957.586.926	183.082.386.912
TCT Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	135.746.534.918
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	6.957.586.926	47.335.851.994

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

(Đã ký)

(Đã ký)

Đường Hùng Cường
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Văn Phóng
Kê toán trưởng

PHẦN V. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (tỷ lệ nắm giữ 54,67%)

III. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không

IV. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty liên quan - Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An:

- Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An tiền thân là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An được thành lập ngày 20 tháng 4 năm 1961. Công ty được tổ chức lại theo Chỉ thị 500/TTG của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 4495/QĐUB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trên cơ sở hợp nhất 9 doanh nghiệp độc lập thuộc ngành xây dựng Nghệ An, bao gồm: Công ty xây dựng số 1 Nghệ An; Công ty xây dựng số 5 Nghệ An; Công ty xây dựng thành phố Vinh; Công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Xí nghiệp xi măng, vôi Vinh; Xí nghiệp cát sỏi, nạo vét san lấp mặt bằng xây dựng; Xí nghiệp gạch ngói 22-12; Xí nghiệp gạch ngói Hưng Nguyên; Nhà máy bê tông đá hoa xuất khẩu.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2005, UBND tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thành công ty cổ phần.

- Ngày 26/3/2007, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc Công ty trở thành đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đổi tên thành Công ty cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC). Ngày 4/5/2007, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ra Quyết định số 2397/QĐ-DKVN về việc tiếp nhận Công ty PVNC làm đơn vị thành viên của Tập đoàn.

- Ngày 26/10/2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN thông qua Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Theo Nghị quyết này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ chuyển toàn bộ 2.295.000 cổ phần, tương đương 51% phần vốn mà Tập đoàn đang nắm giữ tại Công ty PVNC sang cho Tổng Công ty PVC. Công ty PVNC là đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVC và có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty PVC nắm giữ tỷ lệ cổ phần là 10% theo Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn số 1641/XLDK-TCKT ngày 05/4/2010.

- Việc gia nhập Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng và mở ra nhiều triển vọng lớn cho Công ty PVNC trong quá trình phát triển. Một mặt, Công ty được nâng cao tiềm lực tài chính, tăng năng lực cạnh tranh, uy tín thương hiệu trên thị trường, mặt khác Tổng Công ty còn có cơ hội tiếp cận với các dự án lớn của Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị thành viên. Đây chính là cơ hội lớn đối với Công ty để có thể phát triển lên một tầm cao mới.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 482/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/10/2010, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã nhất trí thông qua đề án chuyển Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An thành Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An. Do đó, ngày 19/10/2010, sở KHĐT tỉnh Nghệ An đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh tên của Công ty thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

PHẦN VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Đã nêu tại mục I, II phần I)

II. TÓM TẮT CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông - Đồng Xuân Bình - Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 10/08/1960
- Số CMND: 186527151 Ngày cấp 26/2/2006 Nơi cấp: Công an Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức Bình, Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1980 - 4/1987	Xi nghiệp xây dựng 6 - Tỉnh Hậu Giang	Cán bộ kỹ thuật
02/1987 - 3/1997	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật Xi nghiệp 1
4/1997 - 4/2002	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật XN 101
5/2002 - 3/2003	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Phó Giám đốc Xi nghiệp 101
4/2003 - 02/2005	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Chủ tịch Công đoàn
3/2005 - 4/2007	Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Thành viên HĐQT
4/2007 - 5/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Chủ tịch Công đoàn, Phó BT Đảng uỷ
5/2008 - nay	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT, Phó BT Đảng uỷ, Phó TGD công ty
05/2010 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Nghệ An	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.2. Ông - Đường Hùng Cường - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 7/8/1977

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

- Số CMND : 012757736 do CA Hà Nội cấp ngày 11/3/2005
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Đức Vĩnh – huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 05 Đường Lê Lợi - Phường Lê Lợi - TP.Vinh - Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư- chuyên ngành Kiến trúc công trình
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2001 - 2005	Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng – Chi nhánh tại Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật
2005 - 2008	CN Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng tại miền Trung	Cán bộ quản lý- Phó Giám đốc
10/2008 - 3/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	CB quản lý, Quyền Giám đốc XN PVIT10
3/2009 - 11/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc XN PVIT10
11/2009 đến nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Bí thư chi bộ, UV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.3. Ông - Phan Hải Triều - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 02/09/1959
- Số CMND: 181979848 Ngày cấp 12/8/2004 Nơi cấp: Công an Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Khối 10, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1979–11/1983	Công ty xây dựng số 5	Cán bộ phòng KHKT
12/1983–01/1985	Công ty xây dựng số 5	Phó giám đốc xí nghiệp 3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

02/1985– 2/1996	Công ty xây dựng số 5	Giám đốc xí nghiệp 3
01/1997 – 3/2001	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Giám đốc xí nghiệp 108
12/2001-12/2002	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Giám đốc Công ty
1/2003 – 3/2005	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Công ty
4/2005 – 5/2007	Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty
6/2007 – 6/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Bí thư Đảng uỷ, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
6/2008 - nay	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty PVC, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT
05/2010 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty PVC; Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An.

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.4. Ông - Lê Phi Hùng - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 21/12/1974

- Số CMND : 182043850 cấp ngày 03/01/2000 tại Công an Nghệ An

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Hoa Thành -Yên thành- Nghệ An

- Địa chỉ thường trú: Khối 2 - Phường Cửa Nam, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1992-12/2000	Công ty XD số 1 Nghệ An	Công nhân Xí nghiệp 3
01/2001-9/2004	Công ty XD số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 103
10/2004-8/2006	Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 3
9/2006-10/2006	Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Phó phòng đấu thầu dự án
10/2006-6/2007	Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Giám đốc Xí nghiệp 3
6/2007-3/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Giám đốc Xí nghiệp 3
4/2008-5/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Trưởng phòng Kế hoạch KT
6/2008-9/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Thành viên HĐQT, Trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

		Phòng Kinh tế-Kế hoạch
15/9/2008- nay	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Thành viên HĐQT, Trưởng ban điều hành dự án công trình: Toà nhà Dầu khí Nghệ An
05/2010 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.5. Ông – Trương Đại Hoàng - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 02/10/1974

- Số CMND : 273023946 do CA TPHCM cấp ngày: 01/03/2010

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Bắc Ninh

- Địa chỉ thường trú: P 14 – 6 Cao ốc An Cư, Phường An Phú, Q2 TPHCM

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/2000	Tổng công ty Xây dựng số 1	Giám sát thi công
11/2000-1/2002	BQLDA Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi	Phó trưởng phòng Dự Án
4/2002-8/2006	BQLDA Cụm khí – Điện – Đạm Cà Mau	Nhóm trưởng nhóm cơ sở hạ tầng
8/2006-3/2008	BQLDA Điện Nhơn Trạch – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Xây dựng cơ bản
3/2008- Nay	Công ty THHN Một thành viên chế biến và kinh doanh sản phẩm Dầu Mỏ PDC	Trưởng ban Đầu tư và Xây dựng
4/2009 - Nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2. Ban kiểm soát**2.1. Ông – Tô Văn Tám - Trưởng BKS**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

- Ngày sinh : 18/05/1957
- Số CMND : 181936955 do Công an Nghệ An cấp ngày 15/01/2006
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức Sơn, Anh Sơn, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phường Hưng Phúc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/1975- 03/1982	C10 – E80 Quân khu 4	Chiến sỹ
4/1982 – 9/1985	Trường trung học xây dựng số 3 - Bộ xây dựng	Học sinh
10/1985- 03/1988	Công ty xây dựng số 5 - Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật công trường tại Lào
4/1988- 12/1996	Công ty xây dựng số 5 - Nghệ An	Đội trưởng đội xây dựng tại Lào
01/1997- 3/2001	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Đội trưởng Xí nghiệp xây lắp 108
4/2001- 3/2005	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Giám đốc Xí nghiệp xây lắp tổng hợp và trang trí nội thất
4/2005 – 5/2007	Công ty CPXD ĐT số 1 Nghệ An	Giám đốc xí nghiệp 2
6/2007 – 4/2008	Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCHC
5/2008 - 4/2010	Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An	Phó giám đốc Công ty
5/2010 - nay	Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An	Thành viên chuyên trách HĐQT
5/2008 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2 Bà – Lê Thị Thúy Hà – Thành viên BKS

- Ngày sinh : 09/08/1972
- Số CMND : 182209098 do CA Nghệ An cấp ngày 04/09/1996
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Hòa – TP Vinh - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối Yên Vinh - Phường Hưng Phúc – TP Vinh Nghệ An

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1993-3/1996	Công ty cơ điện xây lắp thuỷ lợi Nghệ An	Nhân viên kế toán
4/1996-2/1996	Công ty xây dựng số 5	Nhân viên kế toán
01/1997-10/2004	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Kế toán Xí nghiệp 107
10/2004-4/2005	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Kế toán trưởng Xí nghiệp 107
4/2005-4/2007	Công ty CP XD&ĐT số 1 Nghệ An	Kế toán trưởng Xí nghiệp 7
4/2007-6/2007	Công ty CP XD Dầu khí Nghệ An	Kế toán trưởng Xí nghiệp 7
6/2007-9/2008	Công ty CPXD ĐT số 1 Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát
9/2008- 4/2009	Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát
4/2009 - nay	Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An	Thành viên chuyên trách BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phụ trách kế toán BQLDA KOBELCO Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An.

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3 Ông - Trần Lương Sơn - Thành viên BKS

- Ngày sinh : 14/01/1972

- Số CMND : 181875545 do Công an Nghệ An cấp ngày 07/09/2008

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Bồng Sơn – Huyện Hoài Nhơn – Tỉnh Bình Định

- Địa chỉ thường trú : Khối Vĩnh Quang – P.Đông Vĩnh- TP.Vinh- Nghệ An

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2001-12/2005	Công ty XD I Nghệ An	CN tại XNXL tổng hợp
01/2006-05/2008	Công ty CP xây dựng số 3 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
7/2008- 01/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Cán bộ phòng kinh tế tổng hợp
02/2009-8/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Phó phòng Kinh tế tổng hợp
9/2009 – 6/2010	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Trưởng phòng Kinh tế tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

5/2010 - Nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát
7/2010- Nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Trưởng Ban QLDA Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3. Ban Tổng giám đốc**3.1. Ông – Đường Hùng Cường - Tổng Giám đốc**

Lý lịch trình bày tại mục 13.1.2.

3.2. Ông Lê Phi Hùng - Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch trình bày tại mục 13.1.4

3.3. Ông - Trần Đình Quang - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 17/10/1966

- Số CMND : 181275803 do Công an Nghệ An cấp ngày 27/8/2005

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Lạc Sơn- Huyện Đô Lương – Tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ thường trú : Phường Hà Huy Tập – TP.Vinh- Tỉnh Nghệ An

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, chuyên ngành thủy điện

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1995	Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi Nghệ An	Thiết kế các công trình thủy lợi
1995-1998	Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi Nghệ An	Bí thư Đoàn thanh niên
1998-2002	Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi & phát triển nông thôn Nghệ An	Xưởng trưởng xưởng thiết kế số 1, Bí thư Đoàn TN
2003-2007	Công ty CP Tư vấn & xây dựng thủy lợi Nghệ An	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật
6/2007-9/2007	Công ty CP Đầu tư thủy điện miền Trung Việt Nam	Trưởng phòng kế hoạch dự án
10/2007-2/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Phó Ban quản lý dự án
3/2008-7/2008	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó bí thư chi bộ kiêm trưởng phòng kinh tế tổng hợp
8/2008-7/2009	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó tổng giám đốc- Phó bí

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

		thư chi bộ
8/2009-12/2009	Công ty CP xi măng Dầu khí 12/9	Tổng giám đốc
1/2010-3/2010	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó tổng giám đốc
4/2010 đến nay	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó bí thư chi bộ- Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3.4. Ông - Trần Hoàng Đạt - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 15/3/1980

- Số CMND : 182306148 do Công an Nghệ An cấp ngày 12/7/1999

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh

- Địa chỉ thường trú : Phường Hưng Dũng – TP.Vinh – Nghệ An

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ- Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2003 – 2/2008	Công ty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng	Kỹ sư tư vấn thiết kế, Quản lý dự án, Giám sát thi công
3/2008-9/2008	Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó Ban QLDA
10/2008 - 10/2009	Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Trưởng Ban QLDA
11/2009 - nay	Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Trưởng ban QLDA Công ty, Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Trưởng ban QLDA

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Những người có liên quan : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

4. Kế toán trưởng: Ông – Nguyễn Văn Phóng

- Ngày sinh : 30/12/1975

- Số CMND : 182022226 do Công an Nghệ An cấp ngày 19/9/2003

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

- Quê quán : Phong Thịnh – Thanh Chương – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Khối 14 Thị trấn Hưng Nguyên- Tỉnh Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1997-12/1998	Công ty TNHH Tân Tiến Phong – Hà Nội	Cán bộ giao nhận
01/1999-8/2005	Công ty Liên doanh mía đường Nghệ An Tate & Lyle	Kế toán
9/2005-8/2008	Công ty TNHH Phú Vinh – TP.Vinh	Kế toán trưởng
9/2008-2/2009	Xí nghiệp 11- Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Kế toán trưởng
3/2009 – 10/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó phòng kế toán
11/2009 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
- Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần
- Những người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

III. Thay đổi Tổng Giám đốc:

Trong năm không thay đổi Tổng Giám đốc.

IV. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Đã nêu tại Báo cáo Ban tổng giám đốc và báo cáo tài chính

V. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

1. Số lượng cán bộ công nhân viên: 143
2. Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo theo quy định nhà nước

VI. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**1. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:****Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông bà có tên sau:**

1. Ông Trịnh Hữu Mạnh - Chủ tịch HĐQT Công ty (Miễn nhiệm ngày 11/5/2010)
2. Ông Phạm Đình Cương - Ủy viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 11/5/2010)
3. Bà Lưu Thanh Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 11/5/2010)

Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông bà sau:

1. Ông Đồng Xuân Bình - Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/5/2010)
2. Ông Lê Phi Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 11/5/2010)
3. Ông Phan Hải Triều - Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 11/5/2010)

2. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc

Thôi giữ chức vụ trong Ban Tổng giám đốc:

1. Ông Phạm Đình Cương - Phó Tổng Giám đốc Công ty (Kể từ ngày 06/1/2011)

Bổ nhiệm chức vụ trong Ban Tổng giám đốc

1. Trần Đình Quang - Phó Tổng Giám đốc Công ty (Kể từ ngày 20/01/2010)
2. Ông Lê Phi Hùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty (Kể từ ngày 11/5/2010)

3. Thay đổi Ban kiểm soát

Thôi giữ chức vụ trong Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Xuân Hưng - Ủy viên Ban kiểm soát Công ty (Kể từ ngày 11/5/2010)

Bổ nhiệm chức vụ trong Ban kiểm soát

1. Trần Lương Sơn - Ủy viên Ban kiểm soát Công ty (Kể từ ngày 11/5/2010)

4. Thay đổi kế toán trưởng: Không

PHẦN VII.**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH VÀ BAN KIỂM SOÁT/KIỂM SOÁT VIÊN:****1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:**

Thành viên HĐQT: 5 người (có danh sách và lý lịch trích ngang ở mục II phần VI)

Thành viên BKS: 03 người (có danh sách và lý lịch trích ngang ở mục II phần VI)

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Đã nêu tại Phần II - Báo cáo HĐQT.

3. Hoạt động của ban kiểm soát/Kiểm soát viên năm 2010

Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An đã được kiện toàn vào tháng 5 năm 2010 với 2 thành viên cũ và được bầu bổ sung thay thế thêm 1 thành viên mới.

Những thuận lợi: Các thành viên Ban kiểm soát là các cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế. Ban kiểm soát đã xây dựng chương trình công tác năm 2010 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thường xuyên có thông tin liên lạc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Các thành viên thường xuyên giữ mối quan hệ với Công ty để thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công.

Khó khăn: Thành viên Ban kiểm soát chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, địa điểm công tác khác nhau, nên có nhiều khó khăn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát không có các thành viên chuyên trách làm việc tại văn phòng Công ty nên việc cập nhật thông tin và thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát cũng có nhiều hạn chế.

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban. Tổ chức kiểm tra định kỳ với nội dung: Việc thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hết năm 2010, chứng từ sổ sách kế toán của Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc, việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, công tác góp và sử dụng vốn điều lệ, tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế và các hoạt động khác của Công ty. Báo cáo kết luận kiểm tra được gửi tới HĐQT và Tổng giám đốc.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

Đã nêu tại phần IV - báo cáo tài chính

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tính chốt tại ngày 19/01/2011

STT	Họ tên	Chức vụ	SLCP	%/VĐL
1	Đồng Xuân Bình	Chủ tịch HĐQT	600	0,004
2	Đường Hùng Cường	TV. HĐQT, TGD	20.500	0,137
3	Lê Phi Hùng	TV. HĐQT, P.TGD	2.000	0,013
4	Phan Hải Triều	TV. HĐQT	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

5	Trương Đại Hoàng	TV. HĐQT	0	0
6	Trần Đình Quang	P.TGD	21.000	0,14
7	Trần Hoàng Đạt	P.TGD	10.500	0,070
8	Tô Văn Tám	Trưởng Ban kiểm soát	1.000	0,007
9	Lê Thị Thuý Hà	TV Ban kiểm soát	0	0
10	Trần lương Sơn	TV Ban kiểm soát	5.100	0,034

II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN**1. Cổ đông/thành viên góp vốn nhà nước: Không****2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập chốt tại ngày 19/01/2011**

TT	Danh mục	Giá trị (1,000 VND)	Tỷ lệ (%)
	Tổng vốn chủ sở hữu:	150.000.000	100%
I	Cổ đông sáng lập, trong đó:	106.610.400	71,07%
1	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	82.000.000	54,67%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.200.000	3,47%
3	Nguyễn Lê Vinh	8.000	0,01%
4	Trần Đình Trọng	8.000	0,01%
5	Trần Đông Phương	8.000	0,01%
6	Nguyễn Đức Nam	8.000	0,01%
7	Huỳnh Khắc Sơn	8.000	0,01%
8	Nguyễn Minh Châu	8.000	0,01%
9	Nguyễn Thị Phương Mai	8.000	0,01%
10	Nguyễn Thùy Lan	8.000	0,01%
11	Biện Quốc Anh	8.000	0,01%
12	Nguyễn Quang Hồng	8.000	0,01%
13	Nguyễn Việt Cường	10.400	0,01%
14	Lại Minh Phương	8.000	0,01%
15	Nguyễn Ngọc Thạch	8.000	0,01%
16	Nguyễn Minh Nhựt	8.000	0,01%
17	Trần Đức Hiện	390.000	0,26%
18	Phan Phúc Hậu	650.000	0,43%
19	Kim Thị Phương Mai	30.000	0,02%
20	Đoàn Ngọc Hải	30.000	0,02%
21	Dương Xuân Hồng	52.000	0,03%
22	Trần Ngọc Diệp	50.000	0,03%
23	Nguyễn Thanh Liêm	48.000	0,03%
24	Lương Thị Thủy	60.000	0,04%
25	Đỗ Mạnh Bình	26.000	0,02%
26	Phạm Thành Tuấn	39.000	0,03%
27	Trần Thùy Dương	20.000	0,01%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

28	Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	17.901.000	11,93%
II	Cổ đông lớn (bao gồm 02 cổ đông sáng lập)	99.901.000	66,60%
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	82.000.000	54,67%
2	Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	17.901.000	11,93%
III	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	40.700.000	27,13%
	Trong đó:		
	- Nhà nước:	0	0,00%
	- Người nước ngoài:	0	0,00%

Nơi nhận:

- UBCKNN (b/c);
- Sở GD&ĐT HN (b/c);
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu TCNS, VT.

*Vinh, ngày 19 tháng 4 năm 2011***TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Đường Hùng Cường